

Báo cáo cơ sở vật chất

Năm học: 2025-2026

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra				Tạm
			Kiên cố		Bán kiên cố		
			Tổng số	XD mới	Tổng số	XD mới	
1	A. Khối phòng học, phòng bộ môn						
2	Số phòng học theo chức năng	47	40				7
3	Chia ra: - Phòng học văn hoá	45	38				7
4	- Phòng học tin học	2	2				
5	- Phòng học ngoại ngữ						
6	- Phòng khác						
7	B. Khối phòng phục vụ học tập						
8	Số phòng theo chức năng	3	3				
9	Chia ra: - Thư viện	1	1				
10	- Phòng thiết bị giáo dục	1	1				
11	- Nhà tập đa năng	1	1				
12	- Phòng giáo dục nghệ thuật						
13	- Phòng âm nhạc						
14	- Phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật hòa nhập						
15	- Phòng khác						
16	C. Khối phòng khác						
17	Số phòng theo chức năng	9	9				
18	- Phòng y tế học đường	1	1				
19	- Khu vệ sinh dành cho giáo viên	2	2				
20	- Khu vệ sinh dành cho HS nam	3	3				
21	- Khu vệ sinh dành cho HS nữ	3	3				
22	D. Khối phòng tổ chức ăn nghỉ						
23	Số phòng theo chức năng	2	2				
24	Chia ra: - Nhà bếp	1	1				
25	- Kho trong nhà bếp	1	1				
26	- Phòng ăn						
27	- Phòng nghỉ						
28	- Phòng khác						
29	E. Khối phòng hành chính quản trị						
30	Số phòng theo chức năng	7	7				
31	Chia ra: - Phòng hiệu trưởng	1	1				
32	- Phòng phó hiệu trưởng	2	2				
33	- Phòng giáo viên	1	1				
34	- Phòng họp giáo viên	1	1				
35	- Văn phòng trường						
36	- Phòng thường trực	1	1				
37	- Phòng Đoàn Đội						
38	- Phòng truyền thống	1	1				

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra				Tạm
			Kiên cố		Bán kiên cố		
			Tổng số	XD mới	Tổng số	XD mới	
39	- Nhà công vụ giáo viên						
40	- Phòng kho lưu trữ						
41	- Phòng khác						
42	F. Khối công trình công cộng						
43	Số phòng theo chức năng						
44	Chia ra: - Nhà xe giáo viên						
45	- Nhà xe học sinh						
46	- Phòng khác						